TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** Số: 263/2023/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quận 12, ngày 20 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 126/2023/TLST–HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023, giữa:

* Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị T, sinh năm: 1981
Thường trú: Ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ.
Tạm trú: 184 Đường H, Tổ B, khu phố C, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1980
Thường trú: Ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ.
Tạm trú: 184 Đường H, Tổ B, khu phố C, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 và 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trịnh Thị T, sinh năm 1981 và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực giấy chứng nhận kết hôn số 35 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 10/5/2003 không còn hiệu lực.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị T và ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Bà Trịnh Thị T và ông Nguyễn Văn T xác định có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 22/4/2003, đã thành niên.

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà Trịnh Thị T và ông Nguyễn Văn T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà án không xem xét.

2.4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng, bà Trịnh Thị T tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/202/0005372 ngày 17 tháng 02 năm 202 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12 hoàn trả 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí còn lại cho bà T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 12;
- Các đương sự;
- UBND xã Thiệu Công,
huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Thảo